

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tấn;

Ông Trần Quý Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc T, sinh ngày 02/8/1963;

Số Căn cước công dân/số định danh cá nhân: 052063015235;

Nơi thường trú: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là thôn L, xã A, tỉnh Gia Lai);

Nơi ở hiện tại: 240/62/3, HT A, khu phố D, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 240/62/3, HT 13, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Lệ C, sinh ngày 01/01/1964;

Số Căn cước công dân/số định danh cá nhân: 052164007420;

Nơi thường trú: Thôn L, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là thôn L, xã

Â, tỉnh Gia Lai);

Nơi ở hiện tại: 240/62/3, HT A, khu phố D, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 240/62/3, HT 13, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi đăng ký kết hôn: Không.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/3/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng ông kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã V, tỉnh Gia Lai) vào năm 1980 (không nhớ ngày tháng cụ thể), có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Giấy đăng ký kết hôn bà C đang cầm, khi ông qua Ủy ban nhân dân xã Â (ngày xưa khi đi đăng ký kết hôn thì xã Â và xã Â chưa tách ra) xin trích lục thì họ nói không có. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có với nhau 05 con chung tên Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 12/4/1983; Phan Thị Hoàng C1, sinh ngày 16/02/1986; Phan Ngọc T1, sinh ngày 24/01/1988; Phan Ngọc Ý, sinh ngày 30/4/1993; Phan Ngọc T2, sinh ngày 05/5/1991; hiện các con đều đã trưởng thành và lập gia đình. Ông làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C bán tài sản, bán nhà để làm ăn, kinh doanh gì đó nhưng không nói với ông, vợ chồng cãi nhau liên tục, bất hoà trong gia đình, sau đó bế nợ rồi bà C trốn đi từ năm 2021. Từ đó cứ một năm bà C về 01 – 02 lần quậy phá, nhiều lần xúc phạm danh dự của ông, đòi tiền với ông nhưng ông không cho. Hai bên không còn liên lạc với nhau, nhưng bà C thường xuyên vào Thành phố Hồ Chí Minh quậy phá công việc làm ăn của ông. Ông có một ngôi nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh, buôn bán trong đó. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài cũng không hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị Lệ C.

Về con chung: Ông và bà Bùi Thị Lệ C có 05 con chung tên Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 12/4/1983; Phan Thị Hoàng C1, sinh ngày 16/02/1986; Phan Ngọc T1, sinh ngày 24/01/1988; Phan Ngọc Ý, sinh ngày 30/4/1993; Phan Ngọc T2, sinh ngày 05/5/1991, hiện các con đều đã trưởng thành và lập gia đình nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2025 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Bùi Thị Lệ C trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã V, tỉnh Gia Lai) vào năm 1983 (không nhớ ngày tháng cụ thể), có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Do thời gian đã lâu nên giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có với nhau 05 con chung tên Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 12/4/1983; Phan Thị Hoàng C1, sinh ngày 16/02/1986; Phan Ngọc T1, sinh ngày 24/01/1988; Phan Ngọc Ý, sinh ngày 30/4/1993; Phan Ngọc T2, sinh ngày 05/5/1991; hiện các con đều đã trưởng thành và lập gia đình. Bà hiện nay không có việc làm, thu nhập không có, sống dựa vào con cái. Bà và ông T không có mâu thuẫn gì, không ly thân, hiện đang sống chung nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Bà không biết lý do vì sao ông T lại có người phụ nữ khác được khoảng 03 năm nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, do bà không có lỗi gì và vợ chồng bà đều đã lớn tuổi, con cái đều đã trưởng thành hết.

Về con chung: Bà và ông Phan Ngọc T có 05 con chung tên Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 12/4/1983; Phan Thị Hoàng C1, sinh ngày 16/02/1986; Phan Ngọc T1, sinh ngày 24/01/1988; Phan Ngọc Ý, sinh ngày 30/4/1993; Phan Ngọc T2, sinh ngày 05/5/1991, hiện các con đều đã trưởng thành và lập gia đình nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong giai đoạn thụ lý hồ sơ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét thấy, tình cảm vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Bùi Thị Lệ C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Phan Ngọc T được ly hôn bà Bùi Thị Lệ C.

Về con chung: Có 05 con chung tên Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 12/4/1983; Phan Thị Hoàng C1, sinh ngày 16/02/1986; Phan Ngọc T1, sinh ngày 24/01/1988; Phan Ngọc Ý, sinh ngày 30/4/1993; Phan Ngọc T2, sinh ngày 05/5/1991. Hiện các con đều đã trưởng thành và tự lập được nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Ngọc T có đơn yêu cầu ly hôn bà Bùi Thị Lệ C. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Bùi Thị Lệ C đăng ký thường trú tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã A, tỉnh Gia Lai). Căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai.

[2] Xét đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của ông Phan Ngọc T và bà Bùi Thị Lệ C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (Nay là xã V), nhưng do thời gian đã lâu nên bị thất lạc giấy tờ. Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã V) cũng xác nhận không còn lưu trữ hồ sơ và sổ đăng ký kết hôn của ông do thiên tai, lũ lụt. Mặc dù ông T, bà C không có giấy đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, tuy nhiên hôn nhân giữa ông T, bà C trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào năm 1983, có con đầu sinh năm 1983, nên căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, xác định đây là hôn nhân thực tế. Ông T xin ly hôn bà C với lý do bà C bán tài sản, bán nhà để kinh doanh nhưng không nói với ông, từ đó vợ chồng bất hoà, cãi nhau liên tục, bà C bỏ nợ rồi trốn đi từ năm 2021. Sau khi trốn đi, mỗi năm bà C về nhà một, hai lần quậy phá, xúc phạm danh dự và đòi tiền ông. Hiện nay, ông và bà C không còn liên lạc với nhau, nhưng bà C thường xuyên và Thành phố Hồ Chí Minh quậy phá công việc làm ăn của ông.

Xét thấy tình cảm vợ chồng ông Phan Ngọc T, bà Bùi Thị Lệ C mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cho dù có kéo dài cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đối với bà Bùi Thị Lệ C không đồng ý ly hôn, với lý do giữa vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì, hiện ông và bà vẫn đang sống chung nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ông T

đã có người phụ nữ khác được 03 năm nay. Đồng thời, vợ chồng bà đều đã lớn tuổi và bà không có lỗi gì trong hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Phan Ngọc T và bà Bùi Thị Lệ C có 05 con chung tên Phan Thị Hoàng N, sinh ngày 12/4/1983; Phan Thị Hoàng C1, sinh ngày 16/02/1986; Phan Ngọc T1, sinh ngày 24/01/1988; Phan Ngọc Ý, sinh ngày 30/4/1993; Phan Ngọc T2, sinh ngày 05/5/1991. Hiện 05 con chung đều đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, khi ly hôn ông T, bà C không yêu cầu giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Ngọc T, bà Bùi Thị Lệ C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Gia Lai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Phan Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a, Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa 10;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Ông Phan Ngọc T được ly hôn bà Bùi Thị Lệ C.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phan Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 5 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 5 – Gia Lai;
- UBND xã Vạn Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Nam

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

